

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI)  
Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa Nhà Geleximco, 36 Hoàng cầu, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại : 04.6276 5555  
Fax : 04.6276 5556  
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hoàng Mai  
Địa chỉ: P1208, Nhà CT3C- X2 Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai,  
Hà Nội  
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0938.242888  
Fax

Loại thông tin công bố:  24h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên năm 2019 soát xét bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Các nội dung nêu trên được đăng tải tại trang thông tin của VNI theo đường dẫn:

<https://bhhk.com.vn/bao-cao-tai-chinh.html>


Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nội, ngày 4 tháng 8 năm 2019

**Người thực hiện công bố thông tin**



Nguyễn Hoàng Mai

Tài liệu gửi kèm: 

Báo cáo tài chính bán niên năm 2019

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG**  
**KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 38

TRU  
BỘ

A  
C  
PH  
HÀ  
ĐNG

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Lê Thị Hà Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Quang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Ủy viên
Ông Trần Sỹ Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Thanh	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Trọng Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hữu Ánh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Ông Phạm Đức Tự	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Ông Lê Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Ông Lê Văn Hồng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh (miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2019)
Bà Tào Thị Thanh Hoa	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Lâm	Phó Tổng Giám đốc phụ trách phía Nam

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


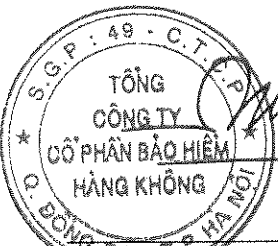


**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
  
\_\_\_\_\_  
**Trần Trọng Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Y  
U HAN  
TE  
M  
HA NOI

Số: 0274 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2019, từ trang 04 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Phạm Hoài Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0042-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 8 năm 2019  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	<b>100</b>		<b>1.422.680.470.408</b>	<b>1.560.857.895.296</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>123.675.632.366</b>	<b>107.917.551.189</b>
1. Tiền	111		93.675.632.366	107.917.551.189
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>475.052.989.095</b>	<b>435.833.184.691</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		476.788.221.331	441.279.708.427
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.735.232.236)	(5.446.523.736)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>521.029.498.937</b>	<b>648.653.646.671</b>
1. Phải thu khách hàng	131		221.931.055.853	202.005.724.924
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	6	169.802.141.975	152.648.147.569
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	7	52.128.913.878	49.357.577.355
2. Trả trước cho người bán	132		5.049.013.905	3.446.179.215
3. Các khoản phải thu khác	135	8	331.794.486.714	480.750.919.639
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(37.745.057.535)	(37.549.177.107)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.572.269.641</b>	<b>20.784.592.734</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	22.015.541.447	20.430.695.900
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		19.825.860.100	19.196.393.606
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		2.189.681.347	1.234.302.294
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		556.728.194	272.696.039
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	81.200.795
<b>V. Tài sản tài bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>11, 17</b>	<b>280.350.080.369</b>	<b>347.668.920.011</b>
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		119.795.214.264	137.684.464.202
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		160.554.866.105	209.984.455.809
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>571.406.536.931</b>	<b>380.091.557.385</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11.525.594.674</b>	<b>11.266.790.174</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	11.525.594.674	11.266.790.174
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7.000.000.000	7.000.000.000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		4.525.594.674	4.266.790.174
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.675.297.286</b>	<b>5.561.871.067</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.764.544.063	5.200.348.492
<i>Nguyên giá</i>	222		21.489.159.192	21.908.355.283
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.724.615.129)	(16.708.006.791)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	910.753.223	361.522.575
<i>Nguyên giá</i>	228		2.375.950.000	1.750.350.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.465.196.777)	(1.388.827.425)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>551.295.987.133</b>	<b>359.108.117.329</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		233.970.681.850	55.550.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		317.754.000.000	303.935.681.850
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(428.694.717)	(377.564.521)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.909.657.838</b>	<b>4.154.778.815</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.909.657.838	4.154.778.815
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.994.087.007.339</b>	<b>1.940.949.452.681</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

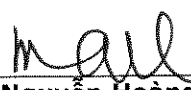
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.174.608.675.735</b>	<b>1.124.389.779.932</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.173.982.610.995</b>	<b>1.114.571.133.662</b>
1. Phải trả cho người bán	312		174.639.046.426	164.870.126.916
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	14	173.395.973.227	163.126.255.175
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		1.243.073.199	1.743.871.741
2. Người mua trả tiền trước	313		8.271.569.896	8.772.549.146
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	11.109.723.523	8.586.116.671
4. Phải trả người lao động	315		40.542.420.873	22.978.019.498
5. Chi phí phải trả	316		30.000.000	30.000.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	4.032.464.956	2.538.431.276
7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	30.815.701.368	37.375.138.555
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		297.702.443	344.610.336
9. Dự phòng nghiệp vụ	329	17	904.243.981.510	869.076.141.264
9.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		535.315.980.570	474.311.275.860
9.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		317.908.164.676	348.437.391.535
9.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		51.019.836.264	46.327.473.869
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>626.064.740</b>	<b>9.818.646.270</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		6.000.000	6.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		620.064.740	9.812.646.270
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>819.478.331.604</b>	<b>816.559.672.749</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>819.478.331.604</b>	<b>816.559.672.749</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		800.000.000.000	800.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		11.424.564.687	11.263.840.112
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.053.766.917	5.295.832.637
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.994.087.007.339</b>	<b>1.940.949.452.681</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	VND	34.943.715.102	26.246.337.447
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	4.902.654.577	4.902.654.577
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	365,89	26.303,58
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	69,52	75,02

  
Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

  
Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ***Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**Đơn vị: VND***PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước (Phân loại lại)</b>
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	417.476.610.038	287.300.597.065
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	53.122.632.775	30.213.984.248
3. Thu nhập khác	13	711.614.945	424.146.029
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	394.292.064.416	290.608.143.654
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	360.325.604	11.384.356.489
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	72.607.684.381	49.328.087.386
7. Chi phí khác	24	(107.535)	47.248.601
<b>8. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)</b>	<b>50</b>	<b>4.050.890.892</b>	<b>(33.429.108.788)</b>
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	836.399.400	-
<b>10. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)</b>	<b>60</b>	<b>3.214.491.492</b>	<b>(33.429.108.788)</b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Phân loại lại)
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>498.947.319.023</b>	<b>364.228.563.172</b>
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		542.858.832.571	415.271.795.546
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		17.093.191.162	21.054.907.258
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		61.004.704.710	72.098.139.632
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>20</b>	<b>108.605.024.416</b>	<b>105.450.893.083</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		90.715.774.478	125.446.266.183
- (Giảm)/Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(17.889.249.938)	19.995.373.100
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)</b>	<b>03</b>		<b>390.342.294.607</b>	<b>258.777.670.089</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>04</b>		<b>27.134.315.431</b>	<b>28.522.926.976</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		27.078.377.183	27.761.323.537
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		55.938.248	761.603.439
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>417.476.610.038</b>	<b>287.300.597.065</b>
<b>6. Chi bồi thường (11= 11.1)</b>	<b>11</b>		<b>198.067.350.139</b>	<b>129.233.578.204</b>
- Tổng chi bồi thường	11.1		198.067.350.139	129.233.578.204
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>		<b>64.020.509.550</b>	<b>38.719.564.911</b>
<b>8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>		<b>(30.529.226.859)</b>	<b>105.353.292.537</b>
<b>9. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>(49.429.589.704)</b>	<b>77.329.175.111</b>
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)</b>	<b>15</b>	<b>21</b>	<b>152.947.203.434</b>	<b>118.538.130.719</b>
<b>11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối</b>	<b>16</b>		<b>4.692.362.395</b>	<b>3.108.804.274</b>
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b>	<b>17</b>	<b>22</b>	<b>236.652.498.587</b>	<b>168.961.208.661</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		20.314.262.767	18.305.469.786
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		216.338.235.820	150.655.738.875

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Phân loại lại)
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)</b>	<b>18</b>		<b>394.292.064.416</b>	<b>290.608.143.654</b>
<b>14. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)</b>	<b>19</b>		<b>23.184.545.622</b>	<b>(3.307.546.589)</b>
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	53.122.632.775	30.213.984.248
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	360.325.604	11.384.356.489
<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)</b>	<b>25</b>		<b>52.762.307.171</b>	<b>18.829.627.759</b>
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	72.607.684.381	49.328.087.386
<b>19. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>3.339.168.412</b>	<b>(33.806.006.216)</b>
20. Thu nhập khác	31		711.614.945	424.146.029
21. Chi phí khác	32		(107.535)	47.248.601
<b>22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>711.722.480</b>	<b>376.897.428</b>
<b>23. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.050.890.892</b>	<b>(33.429.108.788)</b>
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		836.399.400	-
<b>25. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50-51)</b>	<b>60</b>		<b>3.214.491.492</b>	<b>(33.429.108.788)</b>
<b>26. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>26</b>	<b>36</b>	<b>(418)</b>


Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	938.846.706.087	554.110.864.458
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(583.298.292.833)	(469.913.534.754)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(78.198.253.251)	(54.319.829.483)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(928.420.996)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.893.528)	(1.922.570.809)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13.620.729.796	32.381.200.501
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(54.129.321.942)	(65.265.959.040)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>236.836.674.329</b>	<b>(5.858.250.123)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.037.600.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	385.000.000	5.018.859
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(246.500.000.000)	(451.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	205.000.000.000	421.250.950.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(192.239.000.000)	(108.659.998.500)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.334.695.188	40.529.754.785
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(221.056.904.812)</b>	<b>(97.874.274.856)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	80.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(159.546.608.317)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(79.546.608.317)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>15.779.769.517</b>	<b>(183.279.133.296)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>107.917.551.189</b>	<b>288.666.117.694</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(21.688.340)	18.485.189
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)</b>	<b>70</b>	<b>123.675.632.366</b>	<b>105.405.469.587</b>



**Nguyễn Thị Quỳnh Trang**  
Người lập biểu



**Nguyễn Hoàng Mai**  
Kế toán trưởng



**Trần Trọng Dũng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019